TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Lê Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Giang E, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Giang E trình bày:

Bà Nguyễn Thị Giang E và ông Võ Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 22/6/2005. Sau khi kết hôn bà E và ông D chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến tháng 06/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời

sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống bà E và ông D có 02 (Hai) người con chung tên là Võ Thị Tú Q, sinh ngày 02/5/2002 và Võ Thị Mỹ D1, sinh ngày 13/3/2010. Về tài sản chung và nợ chung, bà E và ông D không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Giang E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn D. Về con chung: Yêu cầu được nuôi người con chung tên là Võ Thị Mỹ D1, sinh ngày 13/3/2010, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Thị Tú Q, hiện đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Văn D: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà E và ông D sống chung với nhau. Đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông D đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông D vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh 19/02/2025, đại diện ban N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho biết về tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông D và bà E thì địa phương không rõ, do khi xảy ra mâu thuẫn thì các bên không trình báo. Tại phiên tòa, bà E vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Nhận thấy, hai bên đã phát

sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà E được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Giang E và ông Võ Văn D có 02 (Hai) người con chung tên là Võ Thị Tú Q,sinh ngày 02/5/2002 và cháu Võ Thị Mỹ D1, sinh ngày 13/3/2010.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay, cháu D1 đều do bà E nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu, HĐXX quyết định giao cháu D1 cho bà E tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu D1.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Giang E không yêu cầu ông Võ Văn D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Giang E không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Giang E xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Giang E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Võ Văn D không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Giang E được ly hôn với ông Võ Văn D.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Thị Mỹ D1, sinh ngày 13/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Giang E tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Võ Văn D không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn D mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Giang E không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Giang E xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Giang E có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà E đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006834 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Bà E đã nộp xong án phí. Ông Võ Văn D không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà